

Số: 89/2021/QĐST – HNGĐ

*P, ngày 09 tháng 7 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 262/2020/ TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHTT: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở hiện nay: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; khoản 7 Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn L và chị Lê Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn L và chị Lê Thị L nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. *Về nuôi con:* Anh Trần Văn L và chị Lê Thị L thoả thuận: Anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là cháu Trần Hà C, sinh ngày 10/01/2014

cho đến khi con đủ 18 tuổi; Chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Trần Minh N, sinh ngày 01/4/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn L và chị Lê Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên không xem xét.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh Trần Văn L và chị Lê Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh L, chị L có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*2.3. Về tài sản chung:* Anh Trần Văn L và chị Lê Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2.4. Công nợ chung:* Anh Trần Văn L và chị Lê Thị L thỏa thuận mỗi người sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng số 8507LAV20180402 ngày 09/10/2018 cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P Nam Thái Nguyên (tính đến ngày 01/7/2021) là: 52.925.174 đồng (Năm mươi hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi tư đồng).

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P Nam Thái Nguyên có đơn yêu cầu thi hành án, anh Trần Văn L và chị Lê Thị L không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS.*

- Về án phí: Anh Trần Văn L tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 1.323.129 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào Ngân sách Nhà nước, tổng cộng là: 1.473.129 đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn một trăm hai mươi chín đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu tiền số 0000124 ngày 08/12/2020. Hoàn trả cho anh L số tiền 701.871 đ (Bảy trăm linh một nghìn tám trăm bảy mươi mốt đồng). Chị L tự nguyện nộp 1.323.129 đ (Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn một trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P Nam Thái Nguyên số tiền 2.375.000đ ( Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu tiền số 0000241 ngày 19/4/2021.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND H. Phú Bình;
- Chi cục THADS H. P
- UBND xã T;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Sái Đức Trung**